TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/DS-PT
Ngày: 19/9/2019
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Nhung

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Ngọc Đức- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2019/TLPT-DS ngày 09/7/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05A/2019/DS-ST ngày 21/02/2019 của Toà án nhân dân Thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2019/QĐ-PT ngày 23/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 347/2019/QĐ-PT ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoa N, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố Th, phường T, Thành phố B, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: khu phố Nh, phường Đ, Thị xã D, Tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trần S, sinh năm 1977

Địa chỉ: khu phố Th, phường T, Thành phố B, Tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp của ông S: Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1961 (Theo Giấy ủy quyền công chứng tại Văn phòng công chứng Ph số chứng thực 154, quyển 01,SCT/CK ngày 07/3/2019). (Có mặt)

Địa chỉ: đường 643 Xa Lộ H, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Trần S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử phía nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hoa N và ông Nguyễn Trần S tìm hiểu đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ ngày 14/4/2017. Trước khi về chung sống ông S có nói với bà N có khoản nợ hiện phải thanh toán gấp mà không thể vay mượn ai được nên ông S có hỏi vay tiền bà N. Đồng thời ông S có hứa sau khi bà N cho ông S vay tiền ông S sẽ bán thửa đất ông S đang ở để trả tiền vay của bà N, vì lúc này số tiền ông S cần gấp nên chưa tìm được người mua đất. Sau đó, ông S có hứa với bà N là sẽ tách sổ đỏ lô đất mà hiện nay ông S và anh trai ông S đang đứng tên để bà N và ông S đứng tên trong sổ đỏ. Vì tin tưởng ông S nên bà N có vay mượn tiền để đưa cho ông S. Sau đó, ông S có thực hiện việc tách thửa tên của ông S và anh trai của ông S lô đất chung, sau khi tách xong thì ông S lại nói với bà N là chỉ một người đứng tên trong sổ đỏ chứ hai người không đứng được.

Việc vay tiền được thực hiện bằng "Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm" lập tại Văn phòng công chứng Tr tại địa chỉ đường Đ, khu phố A, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Sau khi ký hợp đồng cùng ngày 14/9/2017 bà N đưa ông S số tiền 600.000.000 đồng tại Spa A ở Ngã Bà Vũng Tàu. Khi giao tiền chưa có giấy tờ nhưng có con gái bà N là cháu Phạm Nhật Quỳnh H chứng kiến việc bà H đưa tiền cho ông S. Số tiền này là tiền riêng của bà N. Nghề nghiệp của bà N là chủ Spa A. Trước khi về chung sống với ông S thì bà N làm ở Dĩ An, tỉnh Bình Dương, sau khi kết hôn được 01 tháng thì bà N về chung sống với ông S tại địa chỉ: khu phố Th, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà N cho ông S vay 02 lần, lần thứ nhất là 600.000.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 22/9/2017 tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam (VIB) số tiền 1.400.000.000 đồng. Số tiền 1.400.000.000 đồng do con gái ruột của bà N là cháu Phạm Nhật Quỳnh H đứng ra vay dùm cho bà N để bà N đưa cho ông S vay lại. Mục đích ông S vay tiền là để trả nợ do thua độ đánh bạc. Ngày 22/9/2017, tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam (VIB) bà N có viết giấy mượn tiền, sau khi giao cho ông S 1.400.000.000 đồng, nhưng giấy mượn tiền ghi 2.000.000.000 đồng là do trước đó (ngày 14/9/2017) bà N đã cho ông S vay số tiền 600.000.000 đồng, ông S có ký nhận vào giấy mượn tiền này phần người mượn tiền và ghi nội dung "*Tôi đã nhận đủ số tiền 2 tỷ tôi đã đọc và đồng ý*"

Sau khi bà N cho ông S vay thì ông S không những không thực hiện trả tiền lãi hàng tháng cho bà N mà ông S còn trốn tránh không chịu gặp bà N. Do nhận thấy việc ông S vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng vay được thỏa thuận giữa hai bên và khả năng thu hồi số tiền vay khó có thể thực hiện được nên bà N đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả lại cho bà N

số tiền ông S đã vay là 2.000.000.000đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng của số tiền trên với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/9/2017 đến ngày Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Trần S có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 22/9/2017 đến ngày 21/02/2019 (ngày Tòa xét xử sơ thẩm) với mức lãi suất 1%/tháng là 340.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.340.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử phía bị đơn ông Nguyễn Trần S trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hoa N và ông Nguyễn Trần S là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn nhau. Ông S luôn mong muốn hàn gắn tình cảm để tiếp tục cuộc sống hôn nhân vợ chồng. Do đó khi bà N có mong muốn ông S cùng bà N làm hợp đồng vay tài sản để làm tin níu kéo cuộc sống hôn nhân ông S đã đồng ý.

Ngày 14/9/2017, tại Văn phòng công chứng Tr tại địa chỉ đường Đ, khu phố A, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương ông S và bà N đã ký hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng vay tài sản theo mong muốn của bà N cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông S và bà N vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, gay gắt hơn. Bà N đã làm đơn khởi kiện ông S về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Việc ông Nguyễn Trần S và bà Nguyễn Thị Hoa N ký kết hợp đồng vay tài sản là giả tạo chỉ vì ông S mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà N nên mới đồng ý ký kết hợp đồng nói trên. Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm ngày 14/9/2017 cả hai bên ông S và bà N đều không thực hiện theo nội dung của hợp đồng vì bản chất của hợp đồng là giả tạo, bà N không đưa số tiền 2.000.000.000đồng cho ông S và ông S cũng không hề nhận bất kỳ số tiền vay nào từ bà N, giữa hai bên không vay mượn gì của nhau. Do đó việc khởi kiện của bà N là không có cơ sở, không có căn cứ pháp lý nên ông S không đồng ý trả tiền, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

* *Người làm chứng chị Phạm Nhật Quỳnh H trình bày*:

Chị là con riêng của bà Nguyễn Thị Hoa N. Khoảng đầu năm 2017, mẹ chị có quen biết với ông Nguyễn Trần S và được thời gian ngắn thì hai người kết hôn. Ngay sau khi kết hôn, ông S liên tục hỏi vay tiền của mẹ chị hoặc nhờ mẹ của chị trả nợ riêng của ông S trước khi kết hôn. Việc ông S vay tiền mẹ chị, chị đều biết vì 02 lần chứng kiến mẹ chị giao tiền cho ông S vay. Lần 1 là vào ngày 14/9/2017 là số tiền 600.000.000 đồng. Lần 2 là ngày 22/9/2017, tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam mẹ chị đưa cho ông S số tiền 1.400.000.000 đồng, sau

đó mẹ chị có viết giấy mượn tiền và ông S có ký ghi tên vào trong giấy này. Số tiền mẹ chị cho ông S vay một phần là tiền riêng của mẹ chị, một phần là do mẹ chị nhờ chị sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị và em trai chị thế chấp Ngân hàng vay số tiền 1.400.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam. Sau khi vay chị đã đưa tiền cho mẹ chị, còn mẹ chị sử dụng số tiền này đưa cho ông S vay chị không có ý kiến hay yêu cầu gì, vì sau khi vay tiền từ Ngân hàng mẹ chị là người trực tiếp đứng ra trả lãi cho Ngân hàng.

** Bản án sơ thẩm số 05A/2019/DS-ST ngày 21/02/2019 của Toà án nhân dân Thành phố Biên Hòa đã tuyên xử:*

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoa N.

Buộc ông Nguyễn Trần S phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoa N tổng cộng số tiền là 2.340.000.000 đồng (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng*). Trong đó số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) và tiền lãi là 340.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 25/02/2019 ông Nguyễn Trần S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của ông S là trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục chung. Theo hợp đồng vay thể hiện hai bên làm biên bản giao nhận tiền riêng, tại giấy nhận tiền thể hiện nội dung ông S mượn 2.000.000.000 đồng, giấy này ông S ký và lăn tay. Ông S cho rằng việc ký hợp đồng vay tài sản là giả tạo nhằm níu kéo tình cảm vợ chồng, không có việc giao nhận tiền tuy nhiên tại biên bản đối chất ông S thừa nhận chữ ký, lăn tay và nội dung ghi đã nhận đủ 2.000.000.000 đồng đúng là của ông. Ông S đã vi phạm nghĩa vụ nên bà N khởi kiện là có căn cứ. Bị đơn ông S kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm nhưng không chứng minh được cho kháng cáo của mình, không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trần S làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Trần S ủy quyền cho ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1961 theo Giấy ủy quyền công chứng tại Văn phòng công chứng Ph số chứng thực 154, quyển 01,SCT/CK ngày 07/3/2019. Thủ tục ủy quyền đảm bảo theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Ông Nguyễn Trần S có địa chỉ tại khu phố Th, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Hoa N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trần S trả cho bà N số tiền đã vay, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Theo nội dung đơn kháng cáo ngày 25/02/2019 của ông Nguyễn Trần S cho rằng Bản án sơ thẩm số 05A/2019/DS-ST ngày 21/02/2019 của Toà án nhân dân Thành phố Biên Hòa đã tuyên xử chưa thật sự khách quan, còn nhiều thiếu sót, chưa đầy đủ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông do đó ông đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm phía ông Nguyễn Trần S không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bản án sơ thẩm có thiếu sót và không khách quan.

Nhận thấy, theo chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ thể hiện và lời khai của nguyên đơn thì bà Nguyễn Thị Hoa N và ông Nguyễn Trần S có ký với nhau "Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm" tại Văn phòng công chứng Tr tại địa chỉ đường Đ, khu phố A, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương nội dung: "Hai bên cùng thỏa thuận là bên A (bà N) cho bên B (ông S) vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên… Lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận. Thời hạn vay 01 năm kể từ ngày công chứng hợp đồng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng. Phương thức trả tiền vay: Tiền lãi, bên B sẽ trả tiền lãi suất hàng tháng cho bên A vào ngày 14 (mười bốn) dương lịch hàng tháng. Tiền gốc: Trả một lần vào cuối thời hạn vay" (Bút lục 54). Tại "Giấy mượn tiền" (bút lục 52) có nội dung: "Tôi tên là Nguyễn Thị Hoa N có cho anh Nguyễn Trần S mượn số tiền 2.000.000.000 đồng để trả nợ và làm ăn, đã nhận đủ tiền, thời gian mượn tiền là 12 tháng (1 năm). Nếu sau 12

tháng anh S không hoàn trả số tiền trên anh chịu hoàn toàn trước pháp luật. Tiền lãi, lãi suất theo ngân hàng (1%) đóng lãi mỗi tháng". Tại cấp sơ thẩm ông S, đại diện theo ủy quyền của ông S cũng thừa nhận có việc ông Nguyễn Trần S và bà Nguyễn Thị Hoa N ký kết hợp đồng vay tài sản như bà N trình bày. Tuy nhiên, phía ông S cho rằng hợp đồng này là giả tạo, bà N và ông S không thực hiện theo nội dung của hợp đồng, ông S cũng không hề nhận bất kỳ số tiền vay nào từ bà N vì bản chất của hợp đồng là giả tạo theo ông S ký hợp đồng để mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà N.

Xét thấy, việc bà N và ông S ký kết với nhau "Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm" ngày 14/9/2017 là có thật và tại "Giấy mượn tiền" (Bút lục 52) có thể hiện nội dung "Tôi đã nhận đủ số tiền 2 tỷ tôi đã đọc và đồng ý". Tại biên bản đối chất (bút lục 153, 154) ông S cũng thừa nhận *"chữ ký và nội dung "tôi đã nhận đủ số tiền 2 tỷ tôi đã đọc và đồng ý" và lăn tay là của tôi"*. Tuy nhiên, ông S cho rằng "Giấy mượn tiền" mà bà N cung cấp cho Tòa án không phải được ký vào ngày 22/9/2017 mà ký 06 tháng sau kể từ ngày ký hợp đồng vay không có biện pháp bảo đảm tại Văn phòng công chứng Tr ngày 14/9/2017, bà N làm sẵn nội dung và yêu cầu ông S ký xác nhận vào, ông S ký cũng chỉ nhằm để níu kéo hôn nhân, không có biên nhận tiền nào nên việc vay là không có thật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm phía ông S cũng không có chứng cứ nào mới để chứng minh cho lời trình bày của mình. Việc ông S cho rằng ký giấy nhưng không nhận tiền từ bà N là không có cơ sở. Từ đó, xác định cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Trần S có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoa N tổng cộng số tiền 2.340.000.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 340.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trần S phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai: Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trần S. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05A/2019/DS-ST ngày 21/02/2019 của Toà án nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoa N.

Buộc ông Nguyễn Trần S phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoa N tổng cộng số tiền là 2.340.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và tiền lãi là 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí DSST: Ông Nguyễn Trần S phải chịu 78.800.000 đồng (Bảy mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Hoa N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006986 ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Về án phí DSPT: Ông Nguyễn Trần S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004073 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T.Đồng Nai;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- TAND Tp. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Hoàng Thị Thu Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Đỗ Thị Nhung **Nguyễn Thị Lệ Trang** **Hoàng Thị Thu Minh**